

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22/7/2020
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Văn Bê
2. Ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2020 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXX-ST ngày 15/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2020/QĐ-ST ngày 01/7/2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Sinh quán: xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Anh Ngô Văn N, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động ở Singapore không có địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của anh Ngô Văn N ở Việt Nam: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 20/02/2020 nguyên đơn chị Nguyễn Thị O trình bày:

Chị và anh Ngô Văn N kết hôn ngày 14/02/2017 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà chồng ở xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang làm dâu, ở chung cùng gia đình chồng. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 2 năm 2019 thì anh N đi lao động tại Singapore. Ban đầu, khi sang Singapore thì hai vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc hỏi thăm nhau, sau đó ít dần. Nguyên nhân là do chị và anh N tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau qua điện thoại, vợ chồng lại sống xa nhau nên tình cảm phai nhạt dần. Chị và anh N đã không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau và không liên lạc với nhau từ khoảng tháng 9 năm 2019 đến nay. Ngày 03/12/2019 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, không còn ở nhà chồng nữa. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Ngô Văn N.

- *Về con chung*: Không có, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản, công nợ*: Không có, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị O còn trình bày: Chị có xin anh N địa chỉ cụ thể của anh ở Singapore để thuận lợi cho việc chị khởi kiện xin ly hôn. Nhưng anh N cố tình giấu không cung cấp địa chỉ cho chị biết nên chị không cung cấp cho Tòa án được. Chị chỉ cung cấp được địa chỉ cuối cùng của anh N ở Việt Nam là tại thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Chị đề nghị Tòa án xác minh và yêu cầu Bố đẻ của anh N là ông Ngô Văn H, sinh năm 1974 và mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1975, cùng trú tại: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang cung cấp thông tin và địa chỉ cụ thể của anh N ở Singapore cho Tòa án.

Do chị đi làm ăn xa và do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh N được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh N.

Bị đơn anh Ngô Văn N hiện đang lao động tại Singapore không có bản tự khai:

Ngày 16/4/2020 và ngày 27/4/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có biên bản làm việc với bố đẻ của anh N là ông Ngô Văn H, sinh năm 1974, trú tại: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông H thông báo cho anh N biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa: chị Nguyễn Thị O và anh Ngô Văn N; yêu cầu anh N viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông H cung cấp địa chỉ cụ thể của anh N ở Singapore. Tuy nhiên, qua 2 lần lập biên bản làm việc ông H vẫn giữ nguyên quan điểm là anh N ở Singapore, vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình ông, nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh N ở Singapore cho Tòa án vì đây là việc cá nhân của anh N, đồng thời ông cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh N biết để anh N gửi lời khai

về. Kể từ đó đến nay Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh N gửi về.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị O vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Ngô Văn N vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử đã công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị O, Biên bản làm việc với bố đẻ của anh N là ông Ngô Văn H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật của: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

-Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Đối với nguyên đơn: chị O có đơn xin xét xử vắng mặt, chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn anh Ngô Văn N vắng mặt. Hội đồng xét xử đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của anh N, nhưng anh N vắng mặt. Như vậy, anh N không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 56; khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị O. Xử cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Ngô Văn N.

Về án phí: chị Nguyễn Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị O có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị O.

Đối với bị đơn anh Ngô Văn N vắng mặt tại phiên tòa: Do nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ của bị đơn anh N. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh Ngô Văn N là ông Ngô Văn H, để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông H thông báo cho anh N biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa: chị Nguyễn Thị O và anh Ngô Văn N; yêu cầu anh N viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông H cung cấp địa chỉ cụ thể của anh N ở Singapore. Ông H

trình bày anh N vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ 2 mà ông H vẫn không chịu cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn anh Ngô Văn N cho Tòa án cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh N biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Ngô Văn N.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị O là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Ngô Văn N, anh N hiện đang lao động tại Singapore nhưng không rõ địa chỉ. Theo Công văn số 2767/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 04/3/2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh-Bộ công an. Anh Ngô Văn N đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 22/03/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Địa chỉ cuối cùng của anh N ở Việt Nam: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị O và anh Ngô Văn N kết hôn ngày 14/02/2017 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị O trình bày: Sau khi kết hôn chị về nhà chồng làm dâu ở chung cùng gia đình chồng. Đến khoảng tháng 2 năm 2019 thì anh N đi lao động tại Singapore. Ban đầu, khi sang Singapore hai vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc hỏi thăm nhau, sau đó ít dần. Nguyên nhân là do chị và anh N tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau qua điện thoại, vợ chồng lại sống xa nhau nên tình cảm phai nhạt dần. Chị và anh N đã không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau và không liên lạc với nhau từ khoảng tháng 9 năm 2019 đến nay. Ngày 03/12/2019 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, không còn ở nhà chồng nữa. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị O và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 53, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị O đối với anh N, xử cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Ngô Văn N.

[4]. Về con chung: Chị O xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị O xác định không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp

tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị O đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị O.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Ngô Văn N.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000622, ngày 12/03/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị O đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị O vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Ngô Văn N hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

